

**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY**



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Kỹ thuật xây dựng**
Chuyên ngành : **Xây dựng dân dụng và công nghiệp**
Tên tiếng Anh : **Civil Engineering**
Cấp bằng : **Cử nhân**
Mã ngành : **7580201**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**
Hình thức đào tạo : **Tập trung**

Năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐTr ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Tây về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-ĐHXDMT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây về việc ban hành Quy định Đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-ĐHXDMT ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây về việc ban hành Chuẩn đầu ra trình độ đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ Quyết định số 331/QĐ-ĐHXDMT ngày 12/7/2021 về việc Quy định Xây dựng, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Căn cứ biên bản họp ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Tây;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; thay thế quyết định số 380/QĐ-ĐHXMT ngày 28/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học.

Điều 3. Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website;
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Xuân

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-ĐHXD-MT ngày 25/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

TT	TÊN NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến trúc (Kiến trúc sư)	1. Kiến trúc Công trình 2. Kiến trúc Đồ họa 3. Kiến trúc Nội thất 4. Kiến trúc Cảnh quan	7580101	150
2	Kỹ thuật Xây dựng (Kỹ sư)	1. Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp 2. Công nghệ thi công và An toàn lao động	7580201	150
	Kỹ thuật Xây dựng (Cử nhân)	3. Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201	120
3	Quản lý đô thị và Công trình (Kỹ sư)	Quản lý đô thị và Công trình	7580106	150
4	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Kỹ sư)	1. Xây dựng Cầu đường 2. Kỹ thuật Cơ sở hạ tầng	7580205	150



TT	TÊN NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	SỐ TÍN CHỈ
5	Kỹ thuật Môi trường (<i>Kỹ sư</i>)	Kỹ thuật Môi trường	7520320	150
6	Kế toán (<i>Cử nhân</i>)	1. Kế toán Doanh nghiệp 2. Kế toán doanh nghiệp – Xây dựng	7340301	120
7	Kỹ thuật phần mềm (<i>Kỹ sư</i>)	1. Kỹ thuật phần mềm 2. Hệ thống Thông tin Quản lý	7480103	150
8	Kỹ thuật cấp thoát nước (<i>Kỹ sư</i>)	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	150



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-ĐHXDMT ngày 25/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin chung về chương trình

Tên ngành:

Tiếng Việt : Kỹ thuật xây dựng

Tiếng Anh : Civil Engineering

Mã ngành : 7580205

Cấp bằng : Cử nhân

Thời gian đào tạo : 3,5 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 150 Tín chỉ (không bao gồm các học phần điều kiện)

Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học, ngành cử nhân Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây được đào tạo theo định hướng ứng dụng và trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ như sau:

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng và Tổ quốc, nắm vững và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Có trình độ ngoại ngữ tốt, có kiến thức chuyên môn vững vàng, nắm bắt và giải quyết được các vấn đề khoa học công nghệ xây dựng dân dụng và công nghiệp do thực tiễn đặt ra.

Có khả năng nắm bắt những tiến bộ khoa học hiện đại của thế giới, áp dụng vào các điều kiện thực tế của đất nước, góp phần phát triển khoa học công nghệ xây dựng của Đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

(1) Có đủ kiến thức về khoa học cơ bản, kinh tế xã hội, cơ sở ngành và chuyên ngành xây dựng.

(2) Có kiến thức nền tảng về phân tích, thiết kế kết cấu, hiểu biết về vật liệu xây dựng.

(3) Có khả năng phân tích thiết kế kết cấu, nền móng, lập biện pháp thi công, lãnh đạo, quản lý hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng.

(4) Có khả năng tham gia nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật xây dựng.

2.2.2. Về kỹ năng

(5) Có kỹ năng chuyên môn.

(6) Kỹ năng nghề nghiệp.

(7) Kỹ năng mềm để trở thành lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực xây dựng đáp ứng nhu cầu hội nhập và quốc tế hóa.

2.2.3. Về Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

(8) Có tư duy độc lập sáng tạo.

(9) Có khả năng làm việc trong môi trường làm việc hiện đại.

(10) Có phẩm chất đạo đức tốt nhằm cống hiến cho sự phát triển của đất nước.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Xây dựng sinh viên nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1. Về kiến thức chung

(1) Ứng dụng một cách linh hoạt các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, định hướng nghề nghiệp phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

(2) Ứng dụng một cách linh hoạt các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong công tác chuyên môn.

(3) Áp dụng một cách hệ thống kiến thức về ngoại ngữ, tin học, toán học và kiến thức xã hội phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và tác nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

(4) Thiết kế kết cấu và nền móng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

(5) Lập biện pháp thi công, dự toán và quản lý tiến độ xây dựng.

2.3. Về kỹ năng nghề nghiệp

(6) Xác định, xây dựng và giải quyết vấn đề thực tế trong các lĩnh vực thiết kế, thi công công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

(7) Tổ chức lãnh đạo và quản lý nhóm làm việc trong hoạt động xây dựng.

(8) Chọn lựa các giải pháp công nghệ kỹ thuật thuộc ngành xây dựng dựa vào các yếu tố xã hội, kinh tế và kỹ thuật.

(9) Tổng hợp các kỹ năng giao tiếp khác nhau như viết báo cáo, thể hiện bản vẽ, thuyết trình nhằm đáp ứng nhu cầu và đặc tính của người nghe.

(10) Sử dụng tốt ngoại ngữ và tin học (trình độ ngoại ngữ B1 hoặc tương đương; công nghệ thông tin nâng cao).

2.4. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

(11) Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

(12) Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc.

(13) Thể hiện quan điểm cá nhân trong các vấn đề cần giải quyết.

(14) Lập kế hoạch, điều phối và quản lý hiệu quả các hoạt động xây dựng.

(15) Thể hiện tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ các nguyên tắc an toàn, đạo đức nghề nghiệp.

3.2. Về vị trí việc làm sau tốt nghiệp

(16) Chuyên viên thiết kế, thi công, vận hành, cán bộ quản lý tại các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

(17) Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu liên quan;

(18) Tự tạo lập công ty hoặc thương hiệu riêng.

3.3. Về khả năng học tập nâng cao trình độ

(19) Tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước;

(20) Thực hiện các nghiên cứu hoặc có công trình nghiên cứu khoa học/sản phẩm ứng dụng được công bố.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4. Nội dung chương trình

4.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32	00	32	26,7
2	Kiến thức cơ sở ngành	37	02	39	32,5
3	Kiến thức chuyên ngành	36	04	40	33,3
4	Thực tập tốt nghiệp	03	00	03	02,5
5	Đồ án tốt nghiệp	06	00	06	05,0
Tổng cộng		114	06	120	100

4.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Học phần		
					ĐK tiên quyết/Học trước	Bắt buộc	Tự chọn
1	CT008	Triết học Mác – Lênin	3 (3,0)	45		3	
2	CT009	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2 (2,0)	30	CT008	2	
3	CT010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2,0)	30	CT009	2	
4	CT011	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2,0)	30	CT010	2	
5	CT012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2,0)	30	CT011	2	
6	CT006	Pháp luật đại cương	2 (2,0)	30		2	
7	CB003	Toán cao cấp 1	3 (3,0)	45		3	
8	CB004	Toán cao cấp 2	2 (2,0)	30	CB003	2	
9	CB006	Vật lý 1	2 (2,0)	30		2	
10	CB001	Hóa đại cương	2 (2,0)	30		2	
11	NN011	Anh văn cơ bản 1	3 (1,2)	75		3	
12	NN012	Anh văn cơ bản 2	3 (1,2)	75		3	
13	TH011	Công nghệ thông tin cơ bản	2 (1,1)	45		2	
14	CB002	Kỹ năng bản thân	2 (2,0)	30		2	
Cộng: 32 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 2 TC)						32	0

4.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Học phần		
					ĐK tiên quyết/Học trước	Bắt buộc	Tự chọn
15	KT069	Hình học họa hình	2 (1,1)	45		2	
16	KT002	Vẽ kỹ thuật	2 (1,1)	45	KT069	2	
17	XD021	Cơ lý thuyết	3 (3,0)	45		3	
18	XD061	Sức bền vật liệu 1	3 (3,0)	45	XD021	3	
19	XD062	Sức bền vật liệu 2	2 (2,0)	30	XD061	2	
20	XD019	Cơ học kết cấu 1	2 (2,0)	30	XD021	2	
21	XD120	Cơ học kết cấu 2	3 (2,1)	60	XD019	3	
22	XD081	Vật liệu xây dựng	3 (3,0)	45		3	
23	XD024	Địa chất công trình	2 (2,0)	30		2	
24	XD064	Thí nghiệm cơ học đất	2 (1,1)	45	XD018	2	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	Học phần		
					ĐK tiên quyết/Học trước	Bắt buộc	Tự chọn
25	XD018	Cơ học đất	3 (3,0)	45	XD024	3	
26	KT117	Cấu tạo kiến trúc 1	2 (1,1)	45	KT002	2	
27	XD053	Máy xây dựng	2 (2,0)	30	XD021	2	
28	XD076	Thực tập địa chất công trình	2 (1,1)	45	XD024	2	
29	XD066	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2 (1,1)	45	XD081	2	
30	XD130	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2 (2,0)	30		2	
31	HT019	Môi trường trong xây dựng	2 (2,0)	30			2
32	HT037	Điện kỹ thuật	2 (2,0)	30	CB006		
33	HT044	Cấp thoát nước	2 (2,0)	30			
34	KT045	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	2 (1,1)	45	KT117		
Cộng: 39 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 02 TC)						37	2

4.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành: Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	HỌC PHẦN		
					Điều kiện tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
35	XD041	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3 (3,0)	45	XD019 XD061	3	
36	XD025	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	2 (1,1)	45	XD041	2	
37	XD042	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2 (2,0)	30	XD041 XD120 XD062	2	
38	XD026	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 2	2 (1,1)	45	XD042	2	
39	XD047	Kết cấu thép 1	3 (3,0)	45	XD019 XD061	3	
40	XD078	Trắc địa	3 (3,0)	45		3	
41	XD077	Thực tập trắc địa	2 (1,1)	45	XD078	2	
42	XD054	Nền móng	3 (3,0)	45	XD018 XD041	3	
43	XD029	Đồ án nền móng	2 (1,1)	45	XD054	2	
44	XD050	Kỹ thuật thi công 1	3 (3,0)	45	XD054 XD053 XD078	3	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Tổng số tiết	HỌC PHẦN		
					Điều kiện tiên quyết	Bắt buộc	Tự chọn
45	XD028	Đồ án kỹ thuật thi công	2 (1,1)	45	XD050	2	
46	XD085	Tổ chức thi công	3 (3,0)	45	XD050	3	
47	XD034	Đồ án tổ chức thi công	2 (1,1)	45	XD085	2	
48	XD036	Dự toán	2 (2,0)	30	KT117 XD050	2	
49	XD096	Tin học - ngành Xây dựng	2 (1,1)	45	XD041 XD019	2	
50	XD087	Pháp luật trong xây dựng	2 (2,0)	30	CT006		4
51	KE007	Kinh tế xây dựng	2 (2,0)	30			
52	XD093	Thực tế công trình	2 (0,2)	90	XD050		
53	HT025	Hệ thống kỹ thuật công trình	2 (2,0)	30	HT037		
54	XD004	Chuyên đề An toàn lao động	2 (2,0)	30	XD051		
Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 4 TC)						36	4
5.2.4. Thực tập tốt nghiệp							
55	XD095	Thực tập tốt nghiệp	3(0,4)	135		3	
Cộng: 03 TC (Bắt buộc: 03 TC; Tự chọn: 00 TC)						3	
5.2.5. Đồ án tốt nghiệp							
56	XD100	Đồ án tốt nghiệp	6(0,6)	270		6	
Cộng: 6 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 00 TC)						6	
5.2.6. Học phần điều kiện (*)							
57	Giáo dục thể chất		Chứng chỉ Giáo dục thể chất				
58	Giáo dục Quốc phòng-An ninh		Chứng chỉ Giáo dục QP-AN				
59	Ngoại ngữ		Chứng chỉ B1/Chứng nhận B1 do MTU cấp				
60	Công nghệ Thông tin cơ bản		Chứng chỉ CNTT cơ bản				
61	Học phần Tin học chuyên ngành/Chứng chỉ CNTT nâng cao						
62	Công tác xã hội		Chứng chỉ Ngày công tác xã hội				
Tổng cộng: 150 TC (Bắt buộc: 114 TC; Tự chọn: 06 TC)						114	06

5. Các chương trình đào tạo chuẩn quốc gia, quốc tế tham khảo

(21) Ngành Kỹ thuật Xây dựng Trường Đại học Bách khoa TP.HCM

(22) Ngành Kỹ thuật Xây dựng Trường Đại học Kiến Trúc TP.HCM

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện trong 3,5 năm chia thành 7 học kỳ, trong đó có 6 học kỳ tích lũy kiến thức học tập tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, 1 học kỳ học tập chuyên sâu và thực tập thực tế tại cơ sở, cuối khóa sinh viên làm đồ án tốt nghiệp.

Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ, áp dụng theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được Trường Đại học Xây dựng Miền Tây công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng kỹ sư Cử nhân xây dựng, Theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường.

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

(16) Phương pháp giảng dạy và học tập của Khoa Xây dựng là tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học.

(17) Dựa trên chuẩn đầu ra xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá.

(18) Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Nội dung	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	- Các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, đặt câu hỏi, giao bài tập và kiểm tra khả năng tự học của người học thông qua bài tập, thảo luận, Seminar. - Các học phần thực hành được thao tác mẫu tại phòng máy tính.	- Thuyết trình - Bài học - Câu hỏi gợi ý - Trình bày mẫu - Luyện tập - Thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp như các học phần thực tập tốt nghiệp, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.	- Yêu cầu - Giải quyết vấn đề - Nghiên cứu tình huống - Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học trong chương trình được thiết kế học trải nghiệm như các môn cơ sở ngành, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.	- Mô phỏng - Mô hình - Thực tế - Các cuộc thi

Nội dung	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy tương tác	Được thiết kế trong các môn học của chương trình đào tạo. Người học làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, thực nghiệm nhóm, thực tập tại công ty doanh nghiệp, tham quan thực tế và đồ án tốt nghiệp.	- Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Học tập độc lập	Hoạt động thực nghiệm, thiết kế trong môn học, đồ án tốt nghiệp, các đồ án, làm bài tập ở nhà, viết báo cáo và tự học.	- Phân công công việc cá nhân - Dự án nghiên cứu, đồ án tốt nghiệp

8. Phương pháp đánh giá

- Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.
- Điểm đánh giá học phần được thực hiện theo Quy chế học vụ của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Điểm đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân (ví dụ 5,5; 7,5,...).
- Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ. Trong xử lý học vụ, các điểm chữ được quy đổi qua điểm số theo thang điểm 4 (*Phần mềm xử lý tự động*).

Loại	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4	Đánh giá
Điểm đạt	Từ 8,5 đến 10,0	A	4	Giỏi
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3	Khá
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2	Trung bình
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1	Trung bình yếu
Điểm không đạt	Dưới 4,0	F	0	Kém

Điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK): Là điểm trung bình có trọng số của các HP mà SV đăng ký học trong học kỳ (kể cả HP điểm F) với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo học vụ sau mỗi học kỳ. ĐTBCHK được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$\text{ĐTBCHK} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

- Trong đó a_i : là điểm của HP thứ i ;
 n_i : là số tín chỉ của HP thứ i ;
 n : là tổng số HP mà SV đăng ký trong học kỳ.

Xếp loại tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

9. Tiến trình học tập chuẩn và học phần tiên quyết (chi tiết kèm theo)

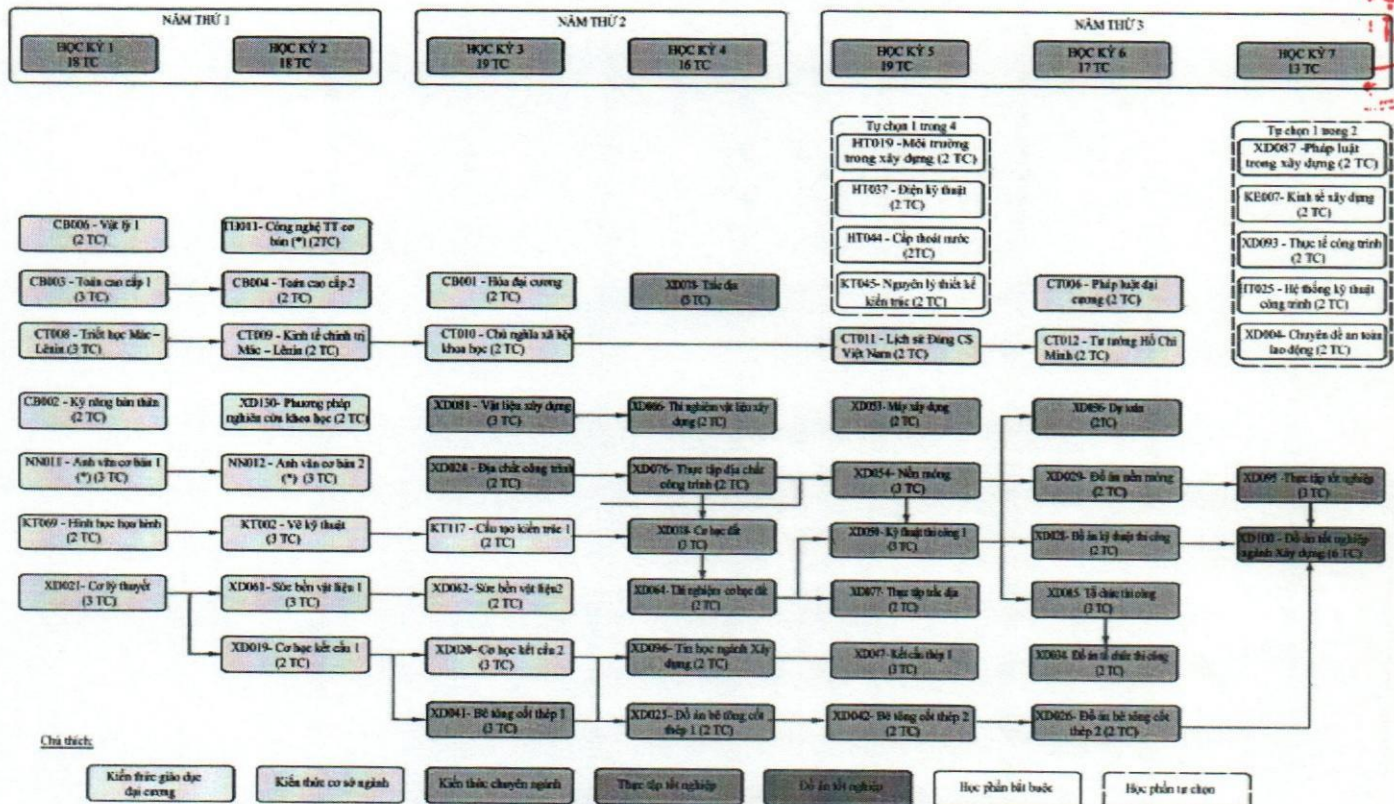
KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN
NGÀNH CỬ NHÂN XÂY DỰNG - CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 216 /QĐ-ĐHXDMT ngày 25/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

NĂM HỌC THỨ NHẤT				NĂM HỌC THỨ HAI			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Vật lý 1	2	1	1	Hóa đại cương	2	3
2	Toán cao cấp 1	3	1	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3
3	Triết học Mác – Lênin	3	1	3	Vật liệu xây dựng	3	3
4	Kỹ năng bản thân	2	1	4	Địa chất công trình	2	3
5	Hình học họa hình	2	1	5	Cấu tạo kiến trúc 1	2	3
6	Cơ lý thuyết	3	1	6	Sức bền vật liệu 2	2	3
7	Anh văn cơ bản 1	3	1	7	Cơ học kết cấu 2	3	3
8	GDTC1		1	8	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	3
9	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	9	GDTC2.2		3
10	Toán cao cấp 2	2	2	10	Trắc địa	3	4
11	Vẽ kỹ thuật	2	2	11	Thí nghiệm Vật liệu xây dựng	2	4
12	Sức bền vật liệu 1	3	2	12	Thực tập địa chất công trình	2	4
13	Cơ học kết cấu 1	2	2	13	Cơ học đất	3	4
14	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2	14	Thí nghiệm Cơ học đất	2	4
15	Anh văn cơ bản 2	3	2	15	Tin học - ngành Xây dựng	2	4
16	Công nghệ TT cơ bản	2	2	16	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	2	4
17	GDTC2.1		2	17	GDTC3.1		4
Tổng số tín chỉ: 36 BB				Tổng số tín chỉ: 37 BB			
NĂM HỌC THỨ BA							
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	5	1	Học phần tự chọn: 4TC(*)	4	7
2	Máy xây dựng	2	5	2	Thực tập tốt nghiệp	3	7
3	Nền móng	3	5	3	Đồ án tốt nghiệp	6	7
4	Kỹ thuật thi công 1	3	5				
5	Thực tập trắc địa	2	5				



6	Kết cấu thép 1	3	5			
7	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	5			
8	Học phần tự chọn: 2TC(*)	2	5			
9	GDTC3.2		5			
10	Pháp luật đại cương	2	6			
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6			
12	Dự toán	2	6			
13	Đồ án nền móng	2	6			
14	Đồ án kỹ thuật thi công	2	6			
15	Tổ chức thi công	3	6			
16	Đồ án tổ chức thi công	2	6			
17	Đồ án kết cấu BTCT 2	2	6			
Tổng số tín chỉ: 36 BB + 2TC				Tổng số tín chỉ: 9 BB + 4 TC		
Tổng số tín chỉ: 120						

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN



Ghi chú: Học phần (*) là học phần được lựa chọn, không tính điểm trong bảng chứng tích tốt nghiệp. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường.